TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06/01/2022
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn.

2. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Tư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 06/01/2022, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 163/2021/TLST-HNGĐ ngày 06/4/2021 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 333/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 244/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/11/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 321/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17/11/2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 1052/TB-TA ngày 03/12/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lâm Thị Bích L**, sinh năm 1996 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số X, ấp T, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

- *Bị đơn:* Ông **Dương Văn T**, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/3/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lâm Thị Bích L trình bày: Vào năm 2015, bà L và ông T tự nguyện đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 49/2015 ngày 09/04/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng có thời gian dài chung sống hạnh phúc, có hai con chung là cháu Dương Ngọc Nhã Q, sinh ngày 26/04/2015 và cháu Dương Thiên V, sinh ngày 05/10/2016. Đến đầu năm 2020, hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng hiện tại đã ly thân. Nhận thấy đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Lyêu cầu ly hôn với ông Dương Văn T.

- Về con chung: Các con chung là cháu Dương Ngọc Nhã Q, sinh ngày 26/04/2015 và cháu Dương Thiên V, ngày 05/10/2016, hiện đang sống chung với cha là ông Dương Văn T nên bà L đồng ý tiếp tục giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi cháu Q và cháu V đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Dương Văn T: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, ông T không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và yêu cầu của ông T cũng như các con chung là cháu Q và cháu V.

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không tham gia tố tụng nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách phát biểu ý kiến:

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ, tuy nhiên còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành nghiêm theo Giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung giải quyết vụ án: Bà L và ông T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng mà không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm. Đầu năm 2020 đến nay, hai người đã ly thân không còn sống chung với nhau nữa. Tòa án thực hiện việc thông báo cho ông T biết việc yêu cầu ly hôn của bà L và niêm yết các thủ tục theo quy định, tuy nhiên qua xác minh tại địa phương ông Tđã bỏ địa phương đi làm ở Bình Dương, không rõ địa chỉ, khi đi không thông báo với chính quyền địa phương (BL 68). Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên tinh thần tự nguyện của hai bên, vợ chồng phải yêu thương lo lắng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Bà L đã có đơn yêu cầu về việc không tiến hành hòa giải, yêu cầu xét xử vắng mặt (BL

24) và kiên quyết ly hôn, cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà L và ông T đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục được nữa. Vì vậy, việc bà L yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Từ đầu năm 2020 đến nay, hai con chung sống chung với gia đình của cha mẹ của ông T, đồng thời bà L đồng ý cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu và đồng ý cấp dưỡng mỗi cháu một tháng 1.000.000 đồng. Trong hồ sơ vụ án, ông T không có ý kiến hoặc yêu cầu gì. Xét thấy, việc chăm sóc, điều kiện, môi trường sống của cháu Q và cháu V cần ổn định, đảm bảo tốt nhất. Do đó cần giao cháu Q và cháu V cho cha là ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà L, không ai được quyền ngăn cản theo quy định tại Điều 58 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lâm Thị Bích L về việc cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mức cấp dưỡng mỗi cháu một tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 110, 116 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đã phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lâm Thị Bích L vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Dương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Bích L và ông Dương Văn T chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà L và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, bà L và ông T sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, ly thân đã lâu. Ông T cũng không đến Tòa tham gia tố tụng, không tham gia hòa giải nên chưa có thiện chí hàn gắn, mục đích

hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[2.3] Về con chung: Bà L và ông T có hai con chung là cháu Dương Ngọc Nhã Q, sinh ngày 26/04/2015 và cháu Dương Thiên V, sinh ngày 05/10/2016. Các cháu sống chung với ông T từ khi vợ chồng ly thân đến nay và có cuộc sống tốt. Nay bà L đồng ý cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu, ông T không có ý kiến. Xét thấy, cần ổn định môi trường sống của cháu Q và cháu V nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà L về việc giao hai con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L đồng ý cấp dưỡng mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, phù hợp với Điều 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, ông T cũng không có ý kiến nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228, 238; Điều 271, 273; Điều 278, Điều 280; khoản 2 Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Bích L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Bích L được ly hôn với ông Dương Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Ngọc Nhã Q, sinh ngày 26/04/2015 và cháu Dương Thiên V, sinh ngày 05/10/2016 cho ông Dương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Bà Lâm Thị Bích L được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận bà Lâm Thị Bích L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung. Bà Lâm Thị Bích L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Dương Ngọc Nhã Q, sinh ngày 26/04/2015 và cháu Dương Thiên V, sinh ngày 05/10/2016 với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi cháu Q và cháu V đủ 18 tuổi. Phần quyết định này của Bản án được thi hành ngay theo quy định tại khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, áp phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, tổng cộng là 600.000 đồng, bà Lâm Thị Bích L phải chịu là 600.000 đồng, được khấu trừ vào Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009736 ngày 29/03/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu. Sau khi khấu trừ, bà Lâm Thị Bích L phải nộp thêm 300.000 đồng tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh Đa